TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-05-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quốc Khanh và ông Nguyễn Lâm Tới.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp "xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/04/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980, nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Trần Văn A, sinh năm 1981, nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: trong năm 2003, bà L và ông A tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân A1, thị xã T theo Giấy kết hôn số 05, quyển 01, ngày đăng ký 26/01/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp T, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm qua, mạnh mẽ nhất vào ngày 11/03/2024 ông Trần Văn A tụ tập nhậu vào rồi đánh đập bà tàn nhẫn chảy máu mũi, máu miệng, chỉ vì do bà A về nhà kêu ông A mở cửa nhưng ông A không mở, lời qua tiếng lại thì ông A cầm cây sắt xông ra đánh bà túi bụi, nhờ em

chồng can ngăn, kêu chạy, do không chạy không nổi nên nằm luôn tại chỗ, may nhờ em chồng nhanh trí la lớn Công an qua tới thì ông A mới chịu bỏ chạy, bà L đưa đi cấp cứu và nằm điều trị tại Bệnh viện Đ. Nhận thấy, không thể tiếp tục sống với ông A nên bà L xin ly hôn ông A.

Về con chung: có 03 đứa con chung tên Trần Thị N, sinh ngày 12/08/2003 (đã trưởng thành); Trần Thị Yến N1, sinh ngày 11/10/2006 và Trần Văn B, sinh ngày 21/01/2015. Khi ly hôn, bà L xin quyền nuôi 02 đứa con chưa trưởng thành tên N1 và B; không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung.

2. Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Văn A như: thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có nguyên đơn bà L có mặt, bị đơn ông A vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 10/05/2024, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự, nguyên đơn bà L vắng mặt, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông A vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông A tiếp tục vắng mặt lần 2, không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thì không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về nội dung: căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy:*

Về hôn nhân: bà L và ông A có đăng ký kết hôn tại UBND xã A1, ngày 26/01/2005, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Thời gian chung sống với nhau, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông A lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bạn Lắm có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: có 03 con chung, cháu Trần Thị N là người thành niên, đã có gia đình, nên không xem xét giải quyết. Bà L yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Yến N1 và cháu Trần Văn B, đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu N1 và cháu B thì 02 cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà L, nên giao 02 cháu cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: giao 02 cháu Trần Thị Yến N1 và Trần Văn B cho bà L nuôi dưỡng, ông A không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn thị xã T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bà L, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông A đã được triệu tập hợp lệ lần 2 tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông A được xác lập vào năm 2003, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn bà L và bị đơn ông A được xác lập vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, thị xã T, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy cuộc sống

hôn nhân không có hạnh phúc, đã phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống hiện ly thân nhau.

Theo quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: "Vợ chồng chung thuỷ, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững".

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng nguyên đơn và bị đơn đã không còn sống chung với nhau, do cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn; trong cuộc sống hôn nhân có xảy ra tình trạng bạo lực gia đình. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn bà L khởi kiện xin ly hôn ông A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về quan hệ con chung: có 03 đứa con chung tên Trần Thị N, sinh ngày 12/08/2003 (đã trưởng thành); cháu Trần Thị Yến N1, sinh ngày 11/10/2006 và Trần Văn B, sinh ngày 21/01/2015. Khi ly hôn, bà L xin quyền tiếp tục nuôi 02 đứa con chưa trưởng thành tên N1 và B; ông A không có ý kiến về việc nuôi con; lời khai của các cháu N1, B có nguyện vọng muốn sống với bà L. Vì vậy, để ổn định môi trường sống, học tập, vui chơi giải trí của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu N1, cháu B có bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Theo quy định: bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo căn cứ do pháp luật quy định.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chứng minh, nguyên đơn bà L khởi kiện và đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Đối với bị đơn ông Trần Văn A, trong quá trình tố tụng đã được Toà án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, triệu tập đến Toà án để giải quyết vụ việc nhưng ông A không đến không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan; không gửi ý kiến bằng văn bản và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án nhằm thể hiện sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình được quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem là từ bỏ quyền

yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét gì cho bị đơn.

[9] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí: bà Nguyễn Thị L là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp Hônvà Giađình.

Ông Trần Văn A không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trần Văn A.

Về quan hệ con chung: giao cho bà Nguyễn Thị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Yến N1, sinh ngày 11/10/2006 và Trần Văn B, sinh ngày 21/01/2015.

Bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo lai lai số 0010765 ngày 18/03/2024 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai; thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên;
- Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

Châu Nam Phú